

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 Năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2		3	4	5	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	53.931.128.448	49.836.083.390	157.345.865.114	105.950.909.111
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		841.794.297		1.166.521.297	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		53.089.334.151	49.836.083.390	156.179.343.817	105.950.909.111
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	38.573.320.706	35.662.492.641	112.799.112.644	77.671.718.736
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.516.013.445	14.173.590.749	43.380.231.173	28.279.190.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	236.368.279	113.678.291	363.909.377	415.354.167
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	863.349.013	158.348.386	3.106.473.961	311.778.562
8. Chi phí bán hàng	24		1.129.361.719	438.981.329	2.918.575.394	1.404.191.174
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.430.085.831	1.336.227.094	4.140.412.351	4.190.719.377
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		11.329.585.161	12.353.712.231	33.578.678.844	22.787.855.429
11. Thu nhập khác	31		26.690.789	228.307.306	53.115.789	443.730.306
12. Chi phí khác	32		-		0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		26.690.789	228.307.306	53.115.789	443.730.306
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.356.275.950	12.582.019.537	33.631.794.633	23.231.585.735
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	734.666.477	736.302.776	2.013.430.870	1.419.793.825
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.621.609.473	11.845.716.761	31.618.363.763	21.811.791.910
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.282	1.430	3.817	2.753

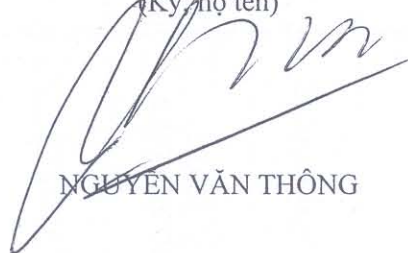
NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THOA

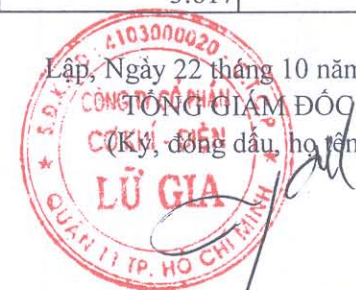
KÊ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



NGUYỄN VĂN THÔNG

Lập, Ngày 22 tháng 10 năm 2010



CAO LƯƠNG NGỌC